**TÀI LIỆU**

**HƯỚNG DẪN NGHIỆP VỤ KIỂM TRA VĂN BẢN**

**QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**PHẦN I.**

**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KIỂM TRA, XỬ LÝ**

 **VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (QPPL)**

 **I. CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**1. Văn bản của Trung ương**

- Điều 165, Điều 166 và Điều 167 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

- Chương VIII Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Từ khoản 17 đến khoản 29 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP

**2. Văn bản của địa phương**

Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 5/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành quy chế kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh Điện.

**II. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**1. Kiểm tra văn bản QPPL là gì**

Là việc xem xét, đánh giá, kết luận về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản QPPL được kiểm tra và xử lý văn bản trái pháp luật, được quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản QPPL.

**2. Đối tượng của hoạt động kiểm tra, xử lý văn bản**

*a) Theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, văn bản được kiểm tra gồm:*

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân;

- Văn bản có chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL; văn bản có chứa QPPL hoặc có thể thức như văn bản QPPL do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành.

*b) Theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 17 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, văn bản được xử lý gồm:*

- Văn bản trái pháp luật gồm văn bản ban hành không đúng thẩm quyền; văn bản có nội dung trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn; văn bản quy định thời điểm có hiệu lực trái với quy định tại khoản 1 Điều 151 của Luật; văn bản vi phạm quy định của pháp luật về đánh giá tác động của chính sách, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra dự thảo; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành trong trường hợp cấp bách để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn theo trình tự, thủ tục rút gọn nhưng không thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 147 của Luật;

- Văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày;

- Văn bản có chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL; văn bản có chứa QPPL hoặc có thể thức như văn bản QPPL do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành.

**3. Phương thức để thực hiện kiểm tra văn bản**

***a) Tự kiểm tra văn bản:*** là hoạt động được thực hiện bởi cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành ra văn bản đó là tự xem xét, đánh giá tính hợp pháp của văn bản do mình đã ban hành.

***b) Kiểm tra theo thẩm quyền:*** là xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp pháp của văn bản được kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền ở bộ, ngành, địa phương đối với các văn bản có quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ, ngành địa phương mình; nhằm đảm bảo nội dung của văn bản đã ban hành phù hợp với pháp luật về lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, ngành có liên quan trong văn bản đó.

- Kiểm tra văn bản do cơ quan, người ban hành văn bản gửi đến

- Kiểm tra văn bản khi nhận được yêu cầu, kiến nghị của các tổ chức, cá nhân phản ánh về văn bản có dấu hiệu trái pháp luật

**Ví dụ:** Khi tổ chức, cá nhân phản ánh về Nghị quyết, Quyết định có dấu hiệu trái pháp luật đến Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp thì cơ quan này phải phân loại, tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền, khi có kết quả thì thông tin cho tổ chức, cá nhân đã có yêu cầu, kiến nghị biết.

- Kiểm tra văn bản theo địa bàn tại cơ quan ban hành văn bản, chuyên đề, ngành, lĩnh vực.

**4. Nội dung kiểm tra văn bản**

Theo quy định tại Điều 104 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì nội dung kiểm tra văn bản bao gồm:

*Thứ nhất,* kiểm tra thẩm quyền về hình thức và kiểm tra thẩm quyền về nội dung.

*Thứ hai,* kiểm tra về nội dung của văn bản.

*Thứ ba,* kiểm tra về căn cứ ban hành; thể thức, kỹ thuật trình bày; trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản.

**5. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng căn cứ pháp lý**

- Có căn cứ pháp lý cho việc ban hành văn bản, bao gồm: Văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ban hành văn bản; văn bản QPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định về vấn đề thuộc đối tượng, phạm vi điều chỉnh, nội dung của văn bản.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP thì căn cứ pháp lý làm cơ sở ban hành văn bản QPPL là văn bản QPPL có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành.

**Ví dụ:** Khi ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân thì chúng ta có thể lấy văn bản đã ký ban hành hoặc thông qua mà chưa có hiệu lực pháp lý để làm căn cứ pháp lý ban hành, nhưng các văn bản làm căn cứ pháp lý này phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành.

**6. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng thẩm quyền**

Văn bản QPPL được ban hành đúng thẩm quyền là văn bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật đối với thẩm quyền về hình thức và thẩm quyền về nội dung khi được ban hành, cụ thể là:

a) Đúng thẩm quyền về hình thức là việc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản theo đúng hình thức (tên loại văn bản) đã được quy định cho cơ quan, người có thẩm quyền đó theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật ban hành văn bản QPPL năm 2020.

**Ví dụ:** Theo quy định tại Điều 4 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 Hội đồng nhân dân các cấp ban hành văn bản QPPL với hình thức là Nghị quyết; Ủy ban nhân dân các cấp ban hành văn bản QPPL với hình thức là Quyết định.

b) Đúng thẩm quyền về nội dung là việc cơ quan, người có thẩm quyền chỉ ban hành các văn bản có nội dung phù hợp với thẩm quyền của mình được pháp luật cho phép hoặc đã được phân công, phân cấp. Thẩm quyền này được xác định trong các văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định về phân công, phân cấp; văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước cụ thể của từng cơ quan, từng cấp, từng ngành đối với từng lĩnh vực.

**Ví dụ 1:** Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành đúng thẩm quyền về hình thức, nội dung được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật;

**Ví dụ 2:** Ủy ban nhân dân huyện Điện Biên Đông ban hành Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Phòng Tư pháp huyện Điện Biên Đông đúng thẩm quyền về hình thức, nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

**7. Văn bản có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật**

Văn bản có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật là văn bản mà nội dung được ban hành phù hợp với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; các văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành và các văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn; quyết định của Ủy ban nhân dân phải phù hợp với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, cụ thể:

*7.1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh* phải phù hợp với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban thường vụ Quốc hội; lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; nghị định, nghị quyết liên tịch của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước (sau đây gọi chung là văn bản của các cơ quan nhà nước Trung ương); *Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước Trung ương và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

*7.2.* *Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện* phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước Trung ương và văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; *Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã* phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước Trung ương, văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện; *Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện* phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước Trung ương, văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện; *Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã* phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước Trung ương, văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

*7.3 Văn bản QPPL không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản QPPL khác*

*7.4. Văn bản do các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành phải bảo đảm yêu cầu không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*

**8. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng thể thức và kỹ thuật trình bày**

Thể thức là cách thức thể hiện văn bản. Nói cách khác đó là tập hợp các thành phần cấu thành văn bản (bao gồm phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc). Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản QPPL được quy định tại Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Văn bản QPPL được ban hành đúng thể thức và kỹ thuật trình bày là văn bản được ban hành tuân theo đúng các quy định của các văn bản trên.

Trong thực tế kiểm tra văn bản QPPL, nhiều trường hợp văn bản được ban hành không bảo đảm các quy định nêu trên, ví dụ: Số văn bản không được ghi bằng chữ số Ả Rập (15a, 16a, 30a...); đánh số văn bản còn lẫn giữa văn bản QPPL với văn bản hành chính; bố cục văn bản (Phần, Chương, Mục, Điều không có tiêu đề...); phần nơi nhận thiếu các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát.

**10. Văn bản được ban hành đúng trình tự, thủ tục**

- Văn bản được ban hành đúng trình tự, thủ tục là văn bản được xây dựng, ban hành tuân thủ đầy đủ các quy định về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015, năm 2020 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Cơ quan kiểm tra xem xét về quy trình ban hành văn bản đó (như đã đượch chấp thuận, được giao, có lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức, đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản hay không; văn bản có được thẩm định hay không...) từ đó xác định trách nhiệm của các cơ quan liên quan và kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

**11. Căn cứ pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra**

Là văn bản QPPL bảo đảm các điều kiện được quy định tại Điều 107 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 18 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được kiểm tra.

**Ví dụ 1:** Kiểm tra Quyết định của UBND tỉnh các căn cứ để kiểm tra là các văn bản QPPL của Trung ương có liên quan đến Quyết định và Nghị quyết của HĐND tỉnh

**Ví dụ 2:** Khi kiểm tra Nghị quyết của HĐND huyện thì các căn cứ để kiểm tra là văn bản QPPL của Trung ương và Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh

- Đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản được kiểm tra hoặc chưa có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản được kiểm tra nhưng đã được thông qua hoặc ký ban hành và sẽ có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản được kiểm tra.

**12. Thời hạn xử lý văn bản có dấu hiệu trái pháp luật**

Được quy định tại Điều 125 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra về văn bản trái pháp luật, cơ quan, người đã ban hành văn bản phải tổ chức xem xét, xử lý văn bản đó và thông báo kết quả xử lý cho cơ quan kiểm tra văn bản.

- Trường hợp cơ quan, người đã ban hành văn bản trái pháp luật không xử lý hoặc cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, xử lý văn bản không nhất trí với kết quả xử lý văn bản thì trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn xử lý, cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, xử lý báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

- Việc xử lý nghị quyết trái pháp luật của Hội đồng nhân dân phải được tiến hành tại kỳ họp gần nhất của Hội đồng nhân dân.

**13. Hình thức xử lý văn bản trái pháp luật**

Theo quy định tại Điều 130 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, khi phát hiện văn bản trái pháp luật thì cơ quan, người có thẩm quyền tùy theo tính chất mức độ sai trái của văn bản mà áp dụng một trong các hình thức xử lý sau:

*- Đình chỉ việc thi hành văn bản trái pháp luật:* Hình thức đình chỉ việc thi hành một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản áp dụng trong trường hợp nội dung trái pháp luật đó nếu chưa được bãi bỏ kịp thời và nếu tiếp tục thực hiện thì có thể gây hậu quả nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Việc đình chỉ thi hành văn bản sai trái nhằm mục đích ngăn chặn kịp thời hậu quả nghiêm trọng có thể gây ra khi văn bản đó được thực hiện trong thực tế.

*- Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật:* Hình thức bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản được áp dụng trong trường hợp sau

+ Một phần hoặc toàn bộ văn bản được ban hành trái pháp luật gồm: văn bản ban hành không đúng thẩm quyền; văn bản có nội dung trái với Hiến pháp, trái với văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn; văn bản quy định thời điểm có hiệu lực trái với quy định tại khoản 1 Điều 151 của Luật; văn bản vi phạm quy định của pháp luật về đánh giá tác động của chính sách, lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra dự thảo..

+ Văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật; văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức như văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành.

Hình thức bãi bỏ thực chất là việc tuyên bố một văn bản vô hiệu ngay từ thời điểm ban hành, bởi đây là văn bản trái pháp luật ngay từ thời điểm ban hành.

*- Đính chính văn bản:* Hình thức đính chính văn bản được thực hiện đối với văn bản có sai sót về căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày. Cơ quan, người ban hành văn bản đính chính văn bản bằng văn bản hành chính.

Trong quá trình kiểm tra phát hiện văn bản chỉ sai về căn cứ pháp lý được viện dẫn, thể thức, kỹ thuật trình bày còn nội dung của văn bản phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp thì đính chính đối với những sai sót đó. Việc đính chính văn bản của Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân thực hiện. Việc đính chính không được làm thay đổi nội dung của văn bản được đính chính.

**14. Công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật**

Kết quả xử lý văn bản QPPL trái pháp luật phải được cơ quan, người đã ban hành văn bản đó đăng Công báo, đăng trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản hoặc niêm yết tại các địa điểm theo quy định. Cụ thể:

- Các cơ quan có thẩm quyền sau khi xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật theo quy định (kể cả trường hợp văn bản được xử lý bằng hình thức đính chính) có trách nhiệm phải công khai quyết định xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật, đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, đăng trên Công báo, đăng trên Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản hoặc được niêm yết tại trụ sở cơ quan ban hành hoặc các địa điểm khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định (đối với văn bản do cấp huyện và cấp xã ban hành).

- Việc công khai kết quả xử lý văn bản trái pháp luật cũng được áp dụng đối với kết quả xử lý văn bản trái pháp luật của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản tự kiểm tra văn bản do mình ban hành.

- Kết quả xử lý văn bản có chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL; văn bản có chứa QPPL hoặc có thể thức như văn bản QPPL do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành phải được gửi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trước đó văn bản đã được gửi. Trường hợp văn bản đó đã được đăng Công báo, đăng trên Cổng thông tin hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành hoặc được niêm yết thì kết quả xử lý cũng phải được công bố trên các phương tiện thông tin đó.

- Mức độ, thời lượng đưa tin về kết quả xử lý văn bản QPPL trên các phương tiện thông tin đại chúng phải tương xứng với việc phổ biến trước đó đối với văn bản có nội dung trái pháp luật đã bị xử lý. Điều này là rất cần thiết, với mục đích để các đối tượng nắm bắt được thông tin, hạn chế hậu quả có thể xảy ra do việc thực hiện văn bản sai trái đó.

**15. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật ban hành không đúng hình thức, thẩm quyền**

- Văn bản của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các cấp có chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Uỷ ban nhân dân.

- Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản QPPL, văn bản có thể thức không phải là văn bản QPPL nhưng có chứa QPPL do cơ quan, cá nhân không có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL ban hành: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, ban hành (bao gồm cả văn bản có thể thức và nội dung như trên được ký thừa lệnh).

**Phần II** **HOẠT ĐỘNG TỰ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN**

**1. Tự kiểm tra văn bản**

Tự kiểm tra văn bản là hoạt động kiểm tra văn bản được thực hiện bởi cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành hoặc liên tịch ban hành văn bản được kiểm tra với tinh thần là tự xem xét, đánh giá tính hợp pháp của văn bản do mình đã ban hành.

**2. Những văn bản phải được tự kiểm tra**

Các văn bản được thực hiện tự kiểm tra bao gồm:

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân;

- Quyết định của Ủy ban nhân dân.

**3. Cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện tự kiểm tra văn bản**

Theo quy định của Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 20 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, thì cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm tự kiểm tra văn bản bao gồm:

- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tự kiểm tra văn bản do mình ban hành ngay sau khi văn bản được ban hành hoặc nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Cơ quan, người có trách nhiệm giúp Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tự kiểm tra văn bản:

+ Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân giúp Hội đồng nhân dân thực hiện việc tự kiểm tra văn bản của Hội đồng nhân dân;

+ Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp được giao là đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc tự kiểm tra Quyết định của UBND cấp cấp mình.

+ Công chức tư pháp - hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc tự kiểm tra văn bản.

- Về trách nhiệm chung, các cơ quan, đơn vị có liên quan phải kịp thời cung cấp thông tin, tư liệu, tài liệu cần thiết và phối hợp với Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã trong việc tự kiểm tra văn bản.

**4. Tổ chức thực hiện tự kiểm tra văn bản**

Việc tổ chức tự kiểm tra văn bản được thực hiện khi:

- Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản.

- Nhận được yêu cầu, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và các phương tiện thông tin đại chúng về văn bản do mình ban hành có dấu hiệu trái pháp luật hoặc không còn phù hợp.

**5. Tổ chức tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật**

Văn bản QPPL sau khi ban hành phải được tổ chức tự kiểm tra kịp thời theo quy định, việc tự kiểm tra được thực hiện như sau:

Đối với văn bản QPPL đã được cơ quan có thẩm quyền ký ban hành, khi phát hành văn bản, cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ phát hành văn bản có trách nhiệm đồng thời gửi văn bản cho đơn vị được phân công làm đầu mối tự kiểm tra văn bản đó để thực hiện việc tự kiểm tra. Khi kiểm tra phát hiện văn bản có nội dung trái pháp luật, đơn vị được phân công kiểm tra có trách nhiệm phối hợp trao đổi làm rõ những nội dung trái pháp luật, thống nhất các biện pháp xử lý và chuẩn bị báo cáo với cơ quan đã ban hành văn bản đó để kịp thời xử lý theo thẩm quyền.

**6. Việc xử lý văn bản trái pháp luật qua tự kiểm tra**

- Khi thực hiện việc tự kiểm tra văn bản, phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật thì cơ quan, đơn vị được giao thực hiện việc tự kiểm tra có trách nhiệm lập hồ sơ kiểm tra văn bản (hồ sơ gồm: phiếu kiểm tra văn bản, văn bản có nội dung trái pháp luật; văn bản dùng làm căn cứ đối chiếu, kết quả xử lý văn bản và các tài liệu khác có liên quan) và báo cáo ngay kết quả kiểm tra văn bản với cơ quan, người đã ban hành văn bản đó để xem xét, xử lý theo quy định.

Báo cáo kết quả tự kiểm tra văn bản gồm những nội dung cơ bản sau đây: Tên văn bản được kiểm tra, cơ sở pháp lý để tự kiểm tra, quá trình tổ chức tự kiểm tra, nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra, ý kiến của cơ quan kiểm tra văn bản, ý kiến của đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản và cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan (nếu có); sự cần thiết và phương án xử lý cụ thể, biện pháp khắc phục hậu quả và đề xuất hình thức xử lý trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức liên quan (nếu có).

- Trên cơ sở báo cáo kết quả tự kiểm tra, cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm xử lý kịp thời văn bản trái pháp luật đã ban hành.

- Kết quả tự xử lý văn bản QPPL trái pháp luật phải được công bố công khai, đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và phải được niêm yết tại trụ sở cơ quan ban hành hoặc các địa điểm khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định (đối với văn bản QPPL do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã ban hành).

Kết quả tự xử lý văn bản có chứa QPPL phải được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân mà trước đó văn bản đã được gửi. Trường hợp văn bản đó đã được niêm yết thì kết quả xử lý cũng phải được công bố trên các phương tiện thông tin đó.

**Phần III** **KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN THEO THẨM QUYỀN**

**1. Kiểm tra văn bản theo thẩm quyền**

Kiểm tra văn bản theo thẩm quyền là xem xét, đánh giá và kết luận về tính hợp pháp của văn bản được kiểm tra của cơ quan, người có thẩm quyền ở bộ, ngành, địa phương đối với các văn bản có quy định liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương mình.

**2.** **Cơ quan làm đầu mối giúp tiến hành việc kiểm tra văn bản**

Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện việc kiểm tra văn bản theo thẩm quyền.

**3.** **Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong việc xử lý văn bản trái pháp luật**

Theo quy định tại Điều 120 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, thẩm quyền xử lý văn bản trái pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được thực hiện như sau:

- Đối với văn bản trái pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp ban hành thì quyết định đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ.

Ví dụ: Khi Phòng Tư pháp kiểm tra, phát hiện văn bản của Ủy ban nhân dân xã ban hành có nội dung trái pháp luật sẽ thực hiện việc kết luận kiểm tra và gửi cho Ủy ban nhân dân xã để xem xét, xử lý theo quy định. Trường hợp Ủy ban nhân dân xã không thực hiện việc xem xét, xử lý hoặc Phòng Tư pháp không đồng ý với kết quả xử lý đó, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Trưởng Phòng Tư pháp sẽ kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định đình chi thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân xã.

- Đối với nghị quyết trái pháp luật do Hội đồng nhân dân cấp dưới trực tiếp ban hành thì quyết định đình chỉ việc thi hành và báo cáo Ủy ban nhân dân để đề nghị Hội đồng nhân dân cùng cấp bãi bỏ.

Ví dụ: Khi Sở Tư pháp kiểm tra, phát hiện văn bản của Hội đồng nhân dân huyện ban hành có nội dung trái pháp luật sẽ thực hiện việc kết luận kiểm tra và gửi cho Hội đồng nhân dân huyện thực hiện xem xét, xử lý theo quy định. Trường hợp Hội đồng nhân dân huyện không xử lý hoặc Sở Tư pháp không đồng ý với kết quả xử lý đó, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Giám đốc Sở Tư pháp sẽ kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đình chỉ việc thi hành văn bản trái pháp luật của Hội đồng nhân dân huyện và báo cáo Ủy ban nhân dân để đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh bãi bỏ tại Kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất.

**4.** **Trình tự thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền**

Trình tự thực hiện việc kiểm tra văn bản theo thẩm quyền được thực hiện như sau:

Tiếp nhận văn bản thuộc đối tượng kiểm tra (Cơ quan kiểm tra văn bản phải mở “Sổ văn bản đến” để theo dõi việc gửi và tiếp nhận văn bản thuộc đối tượng kiểm tra.).

Thủ trưởng cơ quan kiểm tra văn bản phân công người kiểm tra văn bản.

Người kiểm tra văn bản tiến hành xem xét, đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của văn bản được kiểm tra.

Báo cáo kết quả kiểm tra văn bản và đề xuất hướng xử lý:

Trường hợp kiểm tra không phát hiện văn bản trái pháp luật, người kiểm tra làm báo cáo kết quả kiểm tra hoặc ký tên, ghi ngày, tháng năm kiểm tra phía góc trên văn bản được kiểm tra.

- Trường hợp kiểm tra phát hiện văn bản được kiểm tra trái pháp luật, người kiểm tra văn bản lập Phiếu kiểm tra văn bản, báo cáo Thủ trưởng cơ quan kiểm tra về kết quả kiểm tra và đề xuất hướng xử lý;

- Căn cứ vào tính chất, mức độ trái pháp luật của văn bản và hậu quả gây ra, người kiểm tra văn bản có thể đề xuất: hình thức xử lý văn bản trái pháp luật; xử lý trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản trái pháp luật; xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức đã tham mưu soạn thảo, thẩm định, thẩm tra, ban hành văn bản trái pháp luật trong trường hợp người đó có lỗi.

-

Kết luận kiểm tra văn bản:

- Thủ trưởng cơ quan kiểm tra văn bản xem xét, kết luận theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, kết luận về nội dung trái pháp luật của văn bản;

- Kết luận kiểm tra được gửi cho cơ quan, người đã ban hành văn bản để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cơ quan, người đã ban hành văn bản không xử lý văn bản trái pháp luật hoặc cơ quan kiểm tra văn bản không nhất trí thì với kết quả xử lý thì cơ quan kiểm tra văn bản trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định.

- Hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, xử lý văn bản gồm: báo cáo của cơ quan kiểm tra văn bản; văn bản được kiểm tra; cơ sở pháp lý để kiểm tra; Phiếu kiểm tra văn bản; ý kiến của các cơ quan (nếu có); kết luận kiểm tra của cơ quan kiểm tra văn bản; các văn bản giải trình, thông báo kết quả xử lý của cơ quan có văn bản được kiểm tra (nếu có) và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Cơ quan kiểm tra văn bản phải mở “Sổ theo dõi xử lý văn bản trái pháp luật” để theo dõi, đôn đốc việc xử lý văn bản.

**5. Phiếu kiểm tra văn bản phải có những nội dung gì?**

Khi phát hiện nội dung của văn bản được kiểm tra trái pháp luật, người kiểm tra văn bản phải báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất xử lý thông qua “Phiếu kiểm tra văn bản” theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Phiếu kiểm tra cần phải có những nội dung sau: Tên người kiểm tra văn bản; cơ quan/đơn vị công tác; tên, số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành, cơ quan ban hành và trích yếu văn bản được kiểm tra; dấu hiệu trái pháp luật được phát hiện; căn cứ pháp lý để đối chiếu và ý kiến của người kiểm tra về dấu hiệu trái pháp luật cũng như đề xuất xử lý; chữ ký của người kiểm tra văn bản./.